

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 34

30
C
EM
RS
7-

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Hoàng Tâm Hoà	Thành viên
Ông Vũ Đình Quân	Thành viên
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phước Bảo Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Ông Phan Quang Chất	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Hùng	Trưởng ban
Bà Đình Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Thái Minh Duy	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Đình Quân	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Thi Thanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Số: 19.131/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 4.35 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc Công ty có thuê các mặt bằng của Nhà nước để kinh doanh dịch vụ và đang ghi nhận nghĩa vụ phải trả tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ liên quan đến tiền thuê đất được xác định theo đơn giá thuê đất được quy định tại Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh quy định về giá đất trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh do Ban Tổng Giám đốc chưa có thông tin để xác định một cách đáng tin cậy giá trị của nghĩa vụ nợ của các khu đất mà Công ty đang thuê.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217.447.233.490	191.686.717.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	49.371.034.414	89.450.566.304
1. Tiền	111		18.371.034.414	20.450.566.304
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	69.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		122.529.193.192	74.437.670.832
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	77.992.945.422	58.618.762.264
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	35.944.667.776	11.799.786.566
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	8.803.680.926	4.231.222.934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(212.100.932)	(212.100.932)
III. Hàng tồn kho	140		40.905.859.635	25.802.864.323
1. Hàng tồn kho	141	4.5	40.905.859.635	25.802.864.323
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.641.146.249	1.995.615.861
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	3.193.671.890	1.971.163.319
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		148.736.586	24.452.542
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	1.298.737.773	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		250.443.820.923	239.525.609.822
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.054.534.000	1.057.534.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.4	1.054.534.000	1.057.534.000
II. Tài sản cố định	220		72.960.358.158	71.487.850.725
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	71.653.141.153	69.952.282.354
Nguyên giá	222		153.106.431.208	147.472.665.517
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.453.290.055)	(77.520.383.163)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	1.307.217.005	1.535.568.371
Nguyên giá	228		2.822.837.044	2.822.837.044
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.515.620.039)	(1.287.268.673)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.8	19.843.084.788	20.299.387.326
1. Nguyên giá	231		27.853.048.219	27.853.048.219
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.009.963.431)	(7.553.660.893)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		148.455.260	6.287.699.441
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		148.455.260	6.287.699.441
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	106.559.262.612	106.740.763.323
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		101.273.202.933	101.273.202.933
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.496.486.938	7.496.486.938
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.210.427.259)	(2.028.926.548)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		49.878.126.105	33.652.375.007
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	49.878.126.105	33.652.375.007
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		467.891.054.413	431.212.327.142

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		198.757.186.272	171.850.369.831
I. Nợ ngắn hạn	310		171.719.145.550	144.356.228.201
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	30.111.500.538	17.248.605.615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	48.199.997.328	20.774.274.421
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	3.667.517.731	2.490.730.167
4. Phải trả người lao động	314		1.409.702.000	8.219.422.100
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	9.673.650.521	2.061.389.116
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	6.469.029.211	8.411.258.233
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	26.344.128.542	27.232.472.656
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	38.812.602.548	49.936.456.762
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.18	5.748.014.381	5.748.014.381
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.283.002.750	2.233.604.750
II. Nợ dài hạn	330		27.038.040.722	27.494.141.630
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.16	14.344.423.654	14.847.736.762
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	11.405.913.068	10.070.996.868
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	1.287.704.000	2.575.408.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.133.868.141	259.361.957.311
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19.1	269.133.868.141	259.361.957.311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(785.400.000)	(573.300.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.635.810.142	4.635.810.142
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.283.457.999	5.299.447.169
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.299.447.169	3.541.452.846
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.984.010.830	1.757.994.323
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		467.891.054.413	431.212.327.142



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	409.901.018.019	353.612.684.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4.22	2.411.923.433	2.674.156.097
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		407.489.094.586	350.938.528.630
4. Giá vốn hàng bán	11	4.23	343.134.341.312	293.782.108.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.354.753.274	57.156.420.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.24	2.625.433.438	1.956.498.970
7. Chi phí tài chính	22	4.25	2.265.547.056	2.881.678.937
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.802.369.206</i>	<i>1.176.487.506</i>
8. Chi phí bán hàng	25	4.26	30.870.987.295	19.931.664.731
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.27	20.882.633.336	21.662.464.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.961.019.025	14.637.111.765
11. Thu nhập khác	31		333.053.841	309.245.437
12. Chi phí khác	32		73.855.109	532.487.845
13. Lợi nhuận khác	40		259.198.732	(223.242.408)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.220.217.757	14.413.869.357
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	2.852.614.843	3.043.523.133
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.367.602.914	11.370.346.224
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.19.3	348	383



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.220.217.757	14.413.869.357
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.28	4.652.560.796	4.326.654.487
Các khoản dự phòng	03		181.500.711	1.599.714.170
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.262.024.466)	(1.580.505.358)
Chi phí lãi vay	06	4.25	1.802.369.206	1.176.487.506
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.594.624.004	19.936.220.162
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.511.544.177)	(53.955.752.504)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(15.102.995.312)	(18.205.825.432)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38.950.198.900	41.273.380.460
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(17.448.259.669)	1.269.172.039
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.802.369.206)	(1.176.487.506)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(1.446.950.682)	(2.731.410.540)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	10.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(960.602.000)	(642.044.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.717.898.142)	(14.222.748.121)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.597.526.147)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.818.182	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.260.206.284	1.580.505.358
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.262.024.466	(17.020.789)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	4.19	(212.100.000)	(161.700.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	84.562.997.393	40.341.138.500
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(96.974.555.607)	(49.501.947.260)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.623.658.214)	(9.323.458.760)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ				
(50 = 20+30+40)	50		(40.079.531.890)	(23.563.227.670)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		89.450.566.304	76.045.599.475
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ				
(70 = 50+60+61)	70	4.1	49.371.034.414	52.482.371.805



Vũ Đình Quân
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
 Kế toán trưởng

Đường Ngọc Hương
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 27 tháng 10 năm 2014, Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 5288/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành (thuộc Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV) thành công ty cổ phần. Ngày 03 tháng 03 năm 2015, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030117827 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 27 tháng 06 năm 2016.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo văn bản số 3075/UBCK-QLPH ngày 10 tháng 06 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành Viên	Việt Nam	122.500.000.000	49,00	122.500.000.000	49,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	59.323.500.000	23,73	59.323.500.000	23,73
Các nhà đầu tư khác		68.176.500.000	27,27	68.176.500.000	27,27
Cộng		250.000.000.000	100	250.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 345 (31 tháng 12 năm 2017 là: 352).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Điều hành tour du lịch; chi tiết: kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; chi tiết: kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; chi tiết: cho thuê văn phòng, quầy, sạp, cửa hàng kinh doanh; đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà; cho thuê kho bãi; kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: đại lý vé tàu hỏa, bán vé máy bay; môi giới vận tải; dịch vụ nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; chi tiết: mua bán hóa chất (trừ dược phẩm, thuốc trừ sâu; hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, hóa chất có tính độc hại mạnh và không buôn bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2017.

(Xem trang tiếp theo)

3617
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH
PH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	84.551.600	245.144.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.284.982.814	20.203.998.324
Tiền đang chuyển	1.500.000	1.423.180
Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	69.000.000.000
Cộng	49.371.034.414	89.450.566.304

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,6%/năm – 5,2%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu từ khách hàng khác	59.670.071.902	51.532.984.635
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	18.322.873.520	7.085.777.629
Cộng	77.992.945.422	58.618.762.264

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán khác	35.883.167.776	11.799.786.566
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	61.500.000	-
Cộng	35.944.667.776	11.799.786.566

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho nhân viên	7.682.440.491	-	2.918.420.940	-
Phải thu về ứng vốn xây dựng Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique – Xem thêm mục 4.33	339.224.370	-	339.224.370	-
Cổ tức được chia – Xem thêm mục 4.33	-	-	462.866.935	-
Ký cược, ký quỹ	12.232.850	-	5.000.000	-
Phải thu khác	769.783.215	-	505.710.689	-
Cộng	8.803.680.926	-	4.231.222.934	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.054.534.000	-	1.057.534.000	-

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	218.109.141	-	240.611.022	-
Công cụ, dụng cụ	1.176.827.349	-	1.630.400.174	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	18.388.570.773	-	10.531.631.133	-
Hàng hóa	21.122.352.372	-	13.400.221.994	-
Cộng	40.905.859.635	-	25.802.864.323	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí của các tour đang thực hiện và các tour đã thực hiện nhưng chưa quyết toán trong kỳ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNHĐịa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	125.632.271.444	13.892.295.390	4.073.537.435	3.874.561.248	147.472.665.517
Mua trong kỳ	185.036.000	-	-	-	185.036.000
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	5.483.729.691	-	5.483.729.691
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.000.000)	-	-	(35.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	125.817.307.444	13.857.295.390	9.557.267.126	3.874.561.248	153.106.431.208
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	62.286.506.966	10.811.187.656	1.293.386.027	3.129.302.514	77.520.383.163
Khấu hao trong kỳ	3.039.437.706	349.496.306	428.148.054	150.824.826	3.967.906.892
Thanh lý, nhượng bán	-	(35.000.000)	-	-	(35.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	65.325.944.672	11.125.683.962	1.721.534.081	3.280.127.340	81.453.290.055
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	63.345.764.478	3.081.107.734	2.780.151.408	745.258.734	69.952.282.354
Tại ngày 30/06/2018	60.491.362.772	2.731.611.428	7.835.733.045	594.433.908	71.653.141.153

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 của TSCĐ hữu hình là 12.069.678.130 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 11.971.078.982 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2018 VND
Phần mềm máy tính:				
Nguyên giá	2.822.837.044	-	-	2.822.837.044
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.287.268.673)	(228.351.366)	-	(1.515.620.039)
Giá trị còn lại	<u>1.535.568.371</u>			<u>1.307.217.005</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 395.854.000 VND.

4.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2018 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2018 VND
Nhà cửa, vật kiến trúc :				
Nguyên giá	27.853.048.219	-	-	27.853.048.219
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.553.660.893)	(456.302.538)	-	(8.009.963.431)
Giá trị còn lại	<u>20.299.387.326</u>			<u>19.843.084.788</u>

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNHĐịa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique ^(a)	63.000.000.000	(2.210.427.259)	(*)	63.000.000.000	(2.028.926.548)	(*)
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân ^(b)	24.278.147.833	-	(*)	24.278.147.833	-	(*)
Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan ^(c)	8.537.606.498	-	(*)	8.537.606.498	-	(*)
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành ^(d)	3.896.248.602	-	(*)	3.896.248.602	-	(*)
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng ^(e)	1.561.200.000	-	(*)	1.561.200.000	-	(*)
Cộng	101.273.202.933	(2.210.427.259)		101.273.202.933	(2.028.926.548)	
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Du lịch Huế	7.182.926.938	-	(*)	7.182.926.938	-	(*)
Công ty Cổ phần Khách sạn Tháng Mười	313.560.000	-	(*)	313.560.000	-	(*)
Cộng	7.496.486.938	-		7.496.486.938	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- (a) Khoản đầu tư này tương đương với 30% quyền sở hữu Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- (b) Khoản đầu tư này tương đương với 43,33% quyền sở hữu Công ty TNHH Du lịch Bến Thành Phú Xuân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- (c) Khoản đầu tư này tương đương với 44,44% quyền sở hữu Công ty TNHH Căn hộ cho thuê nhà Phong Lan, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ.
- (d) Khoản đầu tư này tương đương với 26,09% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là hoạt động kinh doanh thương mại các loại hóa chất, bột màu, mực in...
- (e) Khoản đầu tư này tương đương với 30,00% quyền sở hữu Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh, chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, sản xuất các loại bánh từ bột.
- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí công cụ dụng cụ	400.617.440	303.506.838
Chi phí bảo hiểm	97.726.336	-
Chi phí sửa chữa lớn TCSĐ	71.797.500	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.623.530.614	1.667.656.481
Cộng	3.193.671.890	1.971.163.319
Dài hạn:		
Lợi thế kinh doanh (*)	22.721.411.843	24.473.411.843
Chi phí thuê đất (**)	18.863.570.880	-
Chi phí sửa chữa lớn TCSĐ	6.103.463.842	6.174.774.432
Chi phí công cụ dụng cụ	1.922.911.158	2.588.840.730
Chi phí trả trước dài hạn khác	266.768.382	415.348.002
Cộng	49.878.126.105	33.652.375.007

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được Công ty ghi nhận và phân bổ trong thời gian 10 năm.

(**) Chi phí thuê đất là tiền thuê đất từ 03/03/2015 - 01/01/2046 trả tiền 01 lần theo TB 2564/TB-CT ngày 01/02/2018 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh cho khu đất tại số 66-68 Hai Bà Trưng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán:				
The Chemours Company Singapore Pte Ltd	7.417.739.000	7.417.739.000	2.864.610.000	2.864.610.000
Tổng công ty Hàng Không Việt Nam	3.954.424.794	3.954.424.794	2.228.796.115	2.228.796.115
Phải trả cho các đối tượng khác	18.730.726.744	18.730.726.744	12.135.879.500	12.135.879.500
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	8.610.000	8.610.000	19.320.000	19.320.000
Cộng	<u>30.111.500.538</u>	<u>30.111.500.538</u>	<u>17.248.605.615</u>	<u>17.248.605.615</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Bà Lê Thị Vân Quỳnh	8.250.000.000	8.250.000.000
Các người mua trả tiền trước khác	39.949.997.328	12.524.274.421
Cộng	48.199.997.328	20.774.274.421

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNHĐịa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.781.180.570	11.356.648.524	10.100.783.831	-	525.315.877
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.777.265.532	2.852.614.843	1.446.950.682	-	371.601.371
Thuế thu nhập cá nhân	-	109.071.629	772.125.954	821.060.545	-	158.006.220
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.232.526.573	-	18.863.570.880	21.531.904.152	-	1.435.806.699
Các loại thuế khác	66.211.200	-	-	66.211.200	-	-
Cộng	1.298.737.773	3.667.517.731	33.844.960.201	33.966.910.410	-	2.490.730.167

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trích trước chi phí thực hiện các tour du lịch	5.089.188.211	1.451.079.775
Trích trước chi phí tiền thuê đất	2.500.000.000	-
Các khoản trích trước khác	2.084.462.310	610.309.341
Cộng	9.673.650.521	2.061.389.116

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.535.780.000	17.535.780.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.346.500.000	8.226.633.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.461.848.542	1.470.058.956
Cộng	26.344.128.542	27.232.472.656

Dài hạn:

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.405.913.068	10.070.996.868
------------------------------	----------------	----------------

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Doanh thu tour nhận trước	5.369.675.718	7.273.722.920
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.099.353.493	1.137.535.313
Cộng	6.469.029.211	8.411.258.233

Dài hạn:

Nhận trước tiền cho thuê bất động sản (*)	14.344.423.654	14.847.736.762
---	----------------	----------------

(*) Là khoản tiền thuê dài hạn nhận trước của Công ty Cổ phần Du lịch Tiến Lợi về việc thuê Tòa nhà văn phòng tại số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2033.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNHĐịa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.17. Vay**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	38.812.602.548	38.812.602.548	85.850.701.393	96.974.555.607	49.936.456.762	49.936.456.762
Vay dài hạn	1.287.704.000	1.287.704.000	-	1.287.704.000	2.575.408.000	2.575.408.000
Cộng	40.100.306.548	40.100.306.548	85.850.701.393	98.262.259.607	52.511.864.762	52.511.864.762

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	
Vay ngắn hạn:					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6,8 %/năm	14.044.575.726	7.868.692.219	(a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7%/năm	22.192.618.822	39.492.356.543	(b)
Vay dài hạn đến hạn trả:					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	10%/năm - 10,5%/năm	2.575.408.000	2.575.408.000	(c)
Cộng			38.812.602.548	49.936.456.762	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo hạn	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vay dài hạn:					
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	10%/năm - 10,5%/năm	2019	1.287.704.000	2.575.408.000 (c)

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

Các hợp đồng tại mục (a) và (b) là các khoản vay tín chấp và không có tài sản đảm bảo.

(c) là khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn đối ứng là công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;
- Tất cả quyền sở hữu và lợi ích liên quan đến tài sản, kể cả quyền hợp đồng và quyền nhận tiền bảo hiểm của tài sản;
- Phần giá trị gia tăng đầu tư thêm gắn liền với tài sản, kể cả công trình, bộ phận được xây dựng thêm, nâng cấp, cải tạo, được mua gắn liền hoặc tọa lạc tại công trình xây dựng trụ sở văn phòng tại số 82-84 Calmette, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Giá trị còn lại của các tài sản đảm bảo cho khoản vay là 12.069.678.130 VND - Xem thêm mục 4.6.

4.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng tiền thuê đất phải trả tăng thêm theo các Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh quy định về giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhưng Công ty chưa nhận được thông báo từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNHĐịa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	250.000.000.000	(304.500.000)	3.191.307.712	7.037.578.054	259.924.385.766
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	11.370.346.224	11.370.346.224
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(40.066.498)	40.066.498	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(39.990.014)	(39.990.014)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(161.700.000)	-	-	(161.700.000)
Giảm khác	-	-	-	(274.174.000)	(274.174.000)
Số dư tại ngày 30/06/2017	250.000.000.000	(466.200.000)	3.151.241.214	18.133.826.762	270.818.867.976
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	13.369.683.805	13.369.683.805
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.484.568.928	(1.484.568.928)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.845.423.778)	(2.845.423.778)
Chia cổ tức	-	-	-	(17.459.869.000)	(17.459.869.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(107.100.000)	-	-	(107.100.000)
Giảm khác	-	-	-	(4.414.201.692)	(4.414.201.692)
Số dư tại ngày 01/01/2018	250.000.000.000	(573.300.000)	4.635.810.142	5.299.447.169	259.361.957.311
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	10.367.602.914	10.367.602.914
Mua cổ phiếu quỹ	-	(212.100.000)	-	-	(212.100.000)
Giảm khác	-	-	-	(383.592.084)	(383.592.084)
Số dư tại ngày 30/06/2018	250.000.000.000	(785.400.000)	4.635.810.142	15.283.457.999	269.133.868.141



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.19.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 30/06/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(37.400)	(27.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.962.600	24.972.700

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.3. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.367.602.914	11.370.346.224
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	1.692.274.335	1.807.589.816
Lãi để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.675.328.579	9.562.756.408
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	24.964.330	24.981.161
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	348	383

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm trích căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 18 tháng 05 năm 2018 của Công ty và đã bao gồm thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 30/06/2018</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	5.319,94	226.218,879
EUR	7.866,53	1.933,9

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu lữ hành	221.409.470.099	200.996.708.926
Doanh thu vé máy bay	67.102.770.363	56.574.827.381
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	34.195.103.700	35.125.724.481
Doanh thu bán hàng hóa	58.398.185.396	31.563.277.990
Doanh thu cho thuê bất động sản	28.795.488.461	29.352.145.949
Cộng	409.901.018.019	353.612.684.727
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	51.742.517.839	24.636.177.491

4.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản hoàn vé máy bay.

4.23. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn lữ hành	207.183.860.413	187.557.718.573
Giá vốn vé máy bay	62.107.597.661	52.656.694.722
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	14.298.133.278	20.621.035.100
Giá vốn bán hàng hóa	56.725.947.422	30.310.357.135
Giá vốn cho thuê bất động sản	2.818.802.538	2.636.302.543
Cộng	343.134.341.312	293.782.108.073

4.24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.550.648.242	957.273.246
Cổ tức, lợi nhuận được chia	709.558.042	623.232.112
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	218.736.768	262.749.614
Lãi chênh lệch tỷ giá	146.490.386	113.243.998
Cộng	2.625.433.438	1.956.498.970

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.802.369.206	1.176.487.506
Dự phòng tổn thất đầu tư	181.500.711	1.599.714.170
Lỗi chênh lệch tỷ giá	281.677.139	105.477.261
Cộng	2.265.547.056	2.881.678.937

4.26. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	13.034.676.884	8.925.622.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.349.689.681	7.326.390.227
Các khoản chi phí bán hàng khác	5.486.620.730	3.679.651.974
Cộng	30.870.987.295	19.931.664.731

4.27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.152.488.120	9.282.371.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.718.459.131	5.045.911.135
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.011.686.085	7.334.180.967
Cộng	20.882.633.336	21.662.464.094

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.566.463.089	38.429.744.512
Chi phí nhân công	24.033.278.699	23.085.093.837
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.652.560.796	4.326.654.487
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.461.612.173	1.956.922.820
Chi phí dịch vụ mua ngoài	309.015.969.592	287.407.970.955
Cộng	402.729.884.349	355.206.386.611

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	13.220.217.757	14.413.869.357
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.752.414.502	1.426.978.422
Trừ: Thu nhập khác được miễn thuế (cổ tức và lợi nhuận được chia)	(709.558.042)	(623.232.112)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	14.263.074.217	15.217.615.667
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.852.614.843	3.043.523.133

Các khoản điều chỉnh tăng /giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/ thu nhập khi tính thuế TNDN.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	84.562.997.393	40.341.138.500

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(96.974.555.607)	(49.501.947.260)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.32. Báo cáo bộ phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ lữ hành
- Bán vé máy bay
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Cho thuê bất động sản
- Bán hàng hóa

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

	Dịch vụ lữ hành		Vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Cho thuê bất động sản		Bán hàng hóa		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng	Kỳ này Triệu đồng	Kỳ trước Triệu đồng
Doanh thu														
Từ khách hàng bên ngoài	221.409	200.997	67.103	56.575	34.195	35.126	28.795	29.352	58.398	31.563	-	-	409.901	353.613
Giữa các bộ phận	1.685	-	25.086	9.343	169	-	-	-	-	-	(26.940)	(9.343)	-	-
Cộng	223.094	200.997	92.189	65.918	34.365	35.126	28.795	29.352	58.398	31.563	(26.940)	(9.343)	409.901	353.613
Kết quả kinh doanh														
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	14.226	13.439	2.583	1.244	19.897	14.505	25.977	26.716	1.672	1.253	-	-	64.355	57.156
Thu nhập tài chính													2.625	1.956
Chi phí tài chính													2.266	2.882
Thu nhập khác													333	309
Chi phí khác													74	532
Lợi nhuận trước thuế													13.220	14.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp													2.853	3.044
Lợi nhuận sau thuế													10.368	11.370

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

Địa chỉ: 82 – 84 Calmette, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Lữ hành và vé máy bay		Nhà hàng, khách sạn		Thương mại		Các dịch vụ khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 01/01/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 30/06/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 01/01/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 30/06/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 01/01/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 30/06/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 01/01/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 30/06/2018 Ngàn đồng	Tại ngày 01/01/2018 Ngàn đồng
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	14.005.116	9.388.052	21.432.115	25.658.650	84.899	135.839	65.291.276	60.738.667	100.813.406	95.921.208
									367.077.648	335.291.119
Tổng tài sản									<u>467.891.054</u>	<u>431.212.327</u>
Nợ phải trả của bộ phận	59.260.876	56.363.496	1.258.839	971.733	7.496.279	239.462	29.125.277	27.070.366	97.141.270	84.645.057
Nợ phải trả không phân bổ									101.615.916	87.205.313
Tổng nợ phải trả									<u>198.757.186</u>	<u>171.850.370</u>

Tài sản của Công ty chủ yếu phục vụ cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành và nhà hàng, khách sạn. Chi phí mua sắm tài sản và chi phí khấu hao trong năm chủ yếu để phục vụ cho các hoạt động trên.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.33. Thông tin về các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	Công ty liên kết
6. Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	Công ty liên kết
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải thu khách hàng :		
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	16.596.162.000	6.981.552.000
Tổng công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên	1.726.711.520	104.225.629
Cộng – Xem thêm mục 4.2	18.322.873.520	7.085.777.629
	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Trả trước người bán – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	61.500.000	-
	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải thu khác :		
Công ty TNHH Khách sạn Bến Thành Đồng Khởi Boutique	339.224.370	339.224.370
Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	-	462.866.935
Cộng – Xem thêm mục 4.4	339.224.370	802.091.305
	<u>Tại ngày 30/06/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
Phải trả khách hàng – Xem thêm mục 4.11:		
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	(8.610.000)	(19.320.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất Bến Thành	47.762.236.000	22.671.100.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Bạch Đằng	1.220.000.000	1.320.000.000
Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV	2.709.214.102	619.736.582
Công ty TNHH Căn hộ Cho thuê Nhà Phong Lan	46.413.191	25.000.000
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	4.654.546	340.909
Cộng – Xem thêm mục 4.21	51.742.517.839	24.636.177.491

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH Du lịch Bến Thành - Phú Xuân	166.772.743	182.585.474

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	876.620.000	901.293.000

4.34. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	186.475.000	221.280.000

4.35. Công nợ tiềm tàng

Công ty có thuê các mặt bằng của Nhà nước để kinh doanh dịch vụ và đang ghi nhận nghĩa vụ phải trả tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của UBND TP. Hồ Chí Minh quy định về giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 thì đơn giá thuê đất của các mặt bằng này tăng cao so với đơn giá thuê đất hiện tại. Trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty chưa ghi nhận tiền thuê đất tăng thêm theo các Quyết định nêu trên do Công ty chưa nhận được thông báo từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và do tính chất phức tạp của việc áp dụng các Quyết định nên Ban Tổng Giám đốc cũng không thể xác định tiền thuê đất tăng thêm một cách đáng tin cậy.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.36. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.046.802.821	1.090.218.717

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.802.285.069	2.180.437.434
Trên 1 năm đến 5 năm	7.209.140.277	8.721.749.735
Trên 5 năm	44.155.984.199	54.510.935.843
Cộng	53.167.409.546	65.413.123.012

4.37. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Vũ Đình Quân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2018

(Handwritten signature)

Nguyễn Ngọc Hoài Nguyên
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

Đường Ngọc Hương
Người lập biểu

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +8424 3795 5353
F +8424 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 236 363 3334
F +84 236 363 3334

